

Bản án số: 54/2025/HSPT

Ngày: 21/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiêu

Ông Nguyễn Văn Chương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Huy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1129/2024/HSPT ngày 04/12/2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HSST ngày 17/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Đình T, Sinh năm: 2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Nguyễn Đình T1; Con bà: Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa; D chỉ bản số: 195 do Công an huyện Q lập ngày 01/05/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1957 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1-Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960 (vợ nạn nhân)

2- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982 (con nạn nhân)

Đều trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

3-Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1993 (con nạn nhân).

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà T2, chị T3 là: Anh Nguyễn Văn H2, sinh

năm 1982

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1-Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm A, thôn Y, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2-Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 28/11/2023, Nguyễn Đình T chưa có giấy phép lái xe theo quy định, tự ý lấy chiếc xe mô tô BKS: 29F1-241.54 (*thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đình T1, sinh năm: 1984, bố đẻ của T*), một mình điều khiển xe mô tô từ nhà đi trên đường D theo hướng từ ngã tư Đ thị trấn Q ra đường G thuộc địa phận Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Khoảng 13 giờ 30 phút, T điều khiển xe đến đoạn đường cách lối rẽ phải vào N 20m, T quan sát thấy có 01 người nam giới điều khiển 01 xe mô tô đi từ hướng nhà văn hóa T4 ra đường 419 rồi rẽ trái về hướng ngã tư đèn xanh, đèn đỏ thị trấn Q. Lúc này, T đã biết có đường nhánh cắt ngang đường 419. Tiếp đó, T thấy có 05 xe ô tô dừng, đỗ ở phía bên phải đường hướng TDP Ngô Sài đi ra đường gom phía Nam Đại lộ T và đỗ giáp lề đường, đầu xe ô tô đỗ ở gần lối rẽ vào nhà văn hóa T4 (*04 xe ô tô loại 5 chỗ và 01 xe ô tô khách*). Dù bị các xe ô tô đỗ ở ven đường che khuất tầm nhìn của T với đường nhánh cắt ngang đi từ hướng nhà văn hóa T4 ra đường D nhưng T không giảm tốc độ, không chú ý quan sát mà tiếp tục điều khiển xe mô tô vượt qua các xe ô tô đang đỗ sát lề đường bên phải theo hướng đi của T (không xác định tốc độ xe T). Khi T điều khiển xe mô tô vượt qua 04 xe ô tô con, gần đến đầu xe ô tô khách đang đỗ ven đường, T thấy ông Nguyễn Văn H3 (*sinh năm: 1957, một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu honda Dream BKS: 29V7 - 086.85 (thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1982, là con trai ông H3)*) đi từ đường nhánh Nhà văn hóa T4 ra đường D và đang đi chậm ở khu vực gần giữa đường chuẩn bị rẽ trái về hướng ngã tư đèn xanh, đèn đỏ thuộc thị trấn Q, do bị bất ngờ nên xe T điều khiển đã đâm vào xe do ông H3 điều khiển. Vị trí va chạm là phần bánh lốp và chắn bùn phía trước của xe mô tô BKS: 29F1-241.54 do T điều khiển đã đâm va vào phần mặt ngoài cang giảm xóc trước bên trái và giỏ đựng hàng bên trái xe mô tô BKS: 29V7 - 086.85 do ông H3 điều khiển. Sau khi va chạm giao thông thì T bị ngã và chiếc xe mô tô BKS: 29F1-241.54 bị đổ sang phần đường bên phải theo hướng đường từ đường gom phía Nam Đại lộ T đi ngã tư đèn xanh, đèn đỏ thuộc T5 còn chiếc xe mô tô BKS: 29V7 - 086.85 do ông H3 điều khiển

thì đổ nghiêng bên trái và nằm ở phần đường bên phải hướng từ sân vật TDP N đi ra đường gom phía Nam Đại lộ T. Hậu quả: ông H3 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Q, sau đó chuyển đến Bệnh viện B; đến khoảng hơn 09 giờ ngày 29/11/2023 ông H3 tử vong tại gia đình; T bị thương nhẹ và phải đi khám tại phòng khám V thuộc xã T, huyện Q, TP Hà Nội; 02 phương tiện bị hư hỏng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô BKS: 29F1-241.54, số máy HC12E5376129, số khung RLHHC1218DY376877 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS: 29V7-086.85, số máy HA08E1574343, số khung RLHHA0807AY274299 đã qua sử dụng; 01 USB nhãn hiệu kingston, màu trắng, bên trong có chứa video hình ảnh vụ tai nạn (kèm trong hồ sơ).

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là tại km 15+540 đường D, thuộc địa phận TDP N, TT Q, huyện Q, TP Hà Nội, có chiều rộng 700cm; đường trải bê tông nhựa phẳng, thẳng; giữa đường có vạch sơn phân tuyến nét đứt màu vàng; đường được tổ chức giao thông hai chiều đối với tất cả các loại phương tiện. Phía bên trái hướng Đại lộ T đi ngã tư đèn tín hiệu là lối mở đi TDP Ngô Sài rộng 1200cm; Đo từ biển báo ký hiệu 208 (*biển báo giao nhau với đường ưu tiên*) đến mép đường lối mở có số đo là 1800cm.

Hiện trường để lại 03 vết cày xước mặt đường được ký hiệu tại sơ đồ là (1) diện (40x01)cm; vết (2) diện (10x01)cm; vết (5) diện (430x01)cm. 02 vết dầu loang ký hiệu tại sơ đồ là vết (3) diện (40x25)cm và vết (6) diện (130x80)cm; 01 vết máu ký hiệu tại sơ đồ là (4) diện (20x25)cm.

Xác định cột điện cao áp ký hiệu 01/464EA28/ Ngô Sài nằm tại lề đường bên trái hướng Đại lộ T đi ngã tư đèn tín hiệu làm mốc; xác định mép đường bên phải hướng Đại lộ T đi ngã tư đèn tín hiệu làm chuẩn.

- Vết cày xước mặt đường ký hiệu tại sơ đồ là (1) nằm tại lòng đường, chiều hướng cày xước từ ngã tư đèn tín hiệu đi đường gom Đại lộ T, đo từ đầu vết (1) và cuối vết (1) vào chuẩn có số đo lần lượt là 365cm và 400cm. Đo song song chiều đường theo hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T từ cuối (1) đến đầu vết (2) có số đo là 50cm.

- Vết cày xước mặt đường ký hiệu tại sơ đồ là (2) nằm tại lòng đường, chiều hướng cày xước từ ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ đầu vết (2) và cuối vết (2) vào chuẩn có số đo lần lượt là 400cm và 400cm. Đo từ cuối vết (2) song song chiều đường theo hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến tâm vết (3) có số đo là 10cm.

- Vết dầu loang ký hiệu tại sơ đồ là (3) nằm tại lòng đường, đo từ tâm vết (3) vào chuẩn có số đo là 455cm. Đo từ tâm vết (3) song song chiều đường theo hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến tâm vết (4) có số đo là 80cm.

- Vết máu ký hiệu tại sơ đồ là (4) nằm tại lòng đường, đo từ tâm vết (4) vào chuẩn có số đo là 230cm. Đo từ tâm (4) song song chiều đường theo hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến đầu vết (5) có số đo là 55cm.

- Vết cày xước mặt đường ký hiệu tại sơ đồ là (5), nằm tại lòng đường, chiều hướng cày xước từ ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ đầu vết (5) và cuối vết (5) vào chuẩn có số đo lần lượt là 240cm và 190cm. Đo từ đầu vết (5) song song chiều đường theo hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến tâm vết (6) có số đo là 380cm.

- Vết dầu loang ký hiệu tại sơ đồ là (6) nằm tại lòng đường, đo từ tâm vết (6) vào chuẩn có số đo là 210cm.

- Điểm mốc: Đo từ tâm vết (1) song song chiều đường từ ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến điểm mốc có số đo là 630cm (BL 33-35).

Dựng lại hiện trường:

- Hiện trường chung: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là tại km 15+540 đường 419 thuộc địa phận TDP N, TT Q, huyện Q, TP Hà Nội; mặt đường rộng 700cm, được trải nhựa áp phan phẳng, được tổ chức giao thông hai chiều đối với tất cả các phương tiện, một hướng đi Đại lộ T, một hướng đi Ngã tư đèn tín hiệu. Ở giữa có vạch sơn màu vàng nét đứt, hai bên mép đường có vạch sơn liền màu trắng, bên phải đường hướng ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có lối mở rộng 1200cm (hướng đi Đình làng N).

Ghi nhận quá trình khám nghiệm: Vị trí, dấu vết số (1), số (2), số (5) là vị trí vết cày xước lần lượt có diện tích là (40x01)cm, (10x01)cm, (430x01)cm. Vị trí vết số (3) và số (6) là vị trí vết dầu loang. Vị trí vết số (4) là vị trí của vết máu. Xe mô tô BKS: 29F1-241.54 được ký hiệu tại sơ đồ là số (7), xe mô tô BKS: 29V7-086.85 được ký hiệu tại sơ đồ là số (8). Xác định cột điện 01 464EA28 Ngõ Sài 1 nằm tại lề đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T làm điểm mốc. Xác định mép đường bên phải hướng Đại lộ T đi Ngã tư đèn tín hiệu làm chuẩn.

- Vị trí vết số (1) nằm tại phần đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí điểm gần nhất và điểm xa nhất của vết số (1) với mép đường chuẩn có số đo là 365cm và 400cm (điểm đầu và điểm cuối vết số (1) cách mép đường chuẩn là 365cm và 400cm). Đo từ vị trí cuối vết số (1) đến đầu vết số (2) song song mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có số đo là 50cm.

- Vị trí vết số (2) nằm tại phần đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí đầu vết số (2) và cuối vết (2) vào mép đường chuẩn có số đo lần lượt là 400cm và 400cm. Đo từ điểm cuối vết số (2) đến tâm vết số (3) song song với mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có số đo là 10cm.

- Vị trí vết số (3) nằm tại phần đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, tâm vị trí vết số (3) đo vào mép đường chuẩn có số đo là 455cm. Đo từ tâm vết số (3) đến tâm vị trí vết số (4) song song với mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có số đo là 80cm.

- Vị trí vết số (4) nằm tại phần đường bên trái theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ tâm vị trí vết số (4) vào mép đường chuẩn có số đo là 230cm. Đo từ tâm vị trí vết số (4) đến vị trí đầu vết số (5) song song với mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có số đo là 55cm.

- Vị trí vết số (5) nằm tại phần đường bên trái hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí đầu vết số (5) và cuối vết (5) vào mép đường chuẩn có số đo lần lượt là 240cm và 210cm. Đo từ vị trí đầu vết số (5) đến tâm vị trí vết số (6) theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T song song với mép đường chuẩn có số đo là 380cm.

- Vị trí vết số (6) nằm tại phần đường bên trái hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí tâm vết (6) vào mép đường chuẩn có số đo là 210cm.

- Xe số (7) đỗ nghiêng bên trái, nằm tại phần đường bên trái hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đầu xe hướng mép đường bên trái, đuôi xe hướng mép đường bên phải (lối mở đi Đình làng N) theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí trục bánh trước và trục bánh sau xe (7) vào mép đường chuẩn có số đo lần lượt là 170cm và 270cm. Đo từ vị trí đầu vết số (5) đến trục bánh sau xe (7) song song với mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T có số đo là 330cm. Đo từ vị trí trục sau xe (7) đến trục trước xe (8) theo hướng Đại lộ T đi Ngã tư đèn tín hiệu song song với mép đường chuẩn có số đo là 250cm.

- Xe số (8) đỗ nghiêng bên trái nằm tại phần đường bên phải theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T, đo từ vị trí trục bánh trước và trục bánh sau xe (8) vào mép đường chuẩn có số đo là 400cm và 510cm. Đo từ vị trí trục bánh sau xe (8) song song với mép đường chuẩn theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu đi Đại lộ T đến cột điện ký hiệu 01 464EA28 Ngô Sài 1 có số đo là 390cm. Đo từ vị trí đầu vết số (1) song song mép đường chuẩn hướng Đại lộ T đi Ngã tư đèn tín hiệu đến tim lối mở đi Đình Làng N là 190cm.

Khám nghiệm tử thi ông Nguyễn Văn H3 (khám ngoài): Chiều dài tử thi: 152cm, thể tạng trung bình. Tử thi lạnh, co cứng nhẹ, hai mắt nhắm, đồng tử giãn. Vết hoen tử thi tập trung vùng thấp cơ thể. Đầu mặt: Sây sát da vùng cằm kích thước 4x3cm; bầm tím da quanh mắt phải kích thước (1,5x1)cm, bầm tím da quanh mắt trái kích thước (2x1,5)cm. Hai lỗ tai, hai lỗ mũi, miệng khô. Cung răng chắc, không gãy răng, sờ nắn không thấy vỡ xương. Cổ vững, ngực vững. Tay phải: Bầm tím da mặt sau 1/3 trên cẳng tay kích thước (2,5x1,5)cm, sây sát da gốc bàn ngón II kích thước (0,5x0,2)cm, sờ nắn không thấy gãy xương. Tay trái: Không sây sát bầm tím da, sờ nắn không thấy gãy

xương. Lưng, mông, bụng không say sát bầm tím da. Khung chậu vững, hậu môn, tầng sinh môn, bộ phận sinh dục ngoài bình thường. Chân phải: Say sát da mặt trước gối kích thước (0,5x0,5)cm, sờ nắn không thấy gãy xương. Chân trái: Say sát da mặt trước trong gối kích thước (1,5x1)cm, sờ nắn không thấy gãy xương.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1568/1533/KLGĐTT-TTPY ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm P kết luận: Các vết: say sát da vùng cằm; bầm tím da quanh mắt phải; bầm tím da quanh mắt trái; bầm tím da mặt sau 1/3 trên cẳng tay phải; say sát da gốc đốt bàn ngón II tay phải; say sát da mặt trước gối phải; say sát da mặt trước trong gối trái: nhiều khả năng do va chạm với vật tày gây nên. Mẫu máu nạn nhân Nguyễn Văn H3 giám định: không tìm thấy E và các chất ma túy Morphine, C, C1, A, Methamphetamine, Ketamine, MDA, MDMA, MDEA. Nguyên nhân chết: Do không mở tử thi nên không kết luận được nguyên nhân chết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập các bệnh án của ông H3 và ra Quyết định trưng cầu giám định số 439 ngày 22/03/2024 giám định nguyên nhân chết của ông H3 qua hồ sơ bệnh án. Tại Bản kết luận giám định tử thi qua hồ sơ ngày 26/3/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y đối với nguyên nhân chết của ông H3, kết luận: *Căn cứ sao y bệnh án mã lưu trữ 17402 của Bệnh viện đa khoa huyện Q, thành phố Hà Nội; sao y bệnh án mã lưu trữ I46/46 ngày 27/12/2023 của Bệnh viện B: Nạn nhân H3 bị xuất huyết dưới nhện bán cầu não hai bên, xuất huyết quanh cầu, quanh cuống; có dịch máu trong não thất hai bên, não thất 3, não thất 4; tụ dịch trong các xoang sọ mặt, dày niêm mạc xoang hàm. Nạn nhân H3 tử vong do chấn thương sọ não nặng.*

Khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS 29V7-086.85 (xe của ông H3): Xe có gương chiếu hậu trái, phải hoạt động bình thường. Tại vị trí mặt ngoài góc bên trái giỏ đựng hàng trước phía dưới có dấu vết trượt sát lõm móp kim loại diện (20x15)cm, chiều hướng từ sau về trước, từ trái sang phải, đo từ điểm trượt sát móp méo của giỏ đựng hàng tới mặt đất có số đo lần lượt là 70cm và 86cm. Tại vị trí ốp nhựa phản quang bên ngoài ốp giảm xóc trước bên trái có dấu vết vỡ nhựa trượt sát diện (11x3,5)cm chiều hướng từ trước về sau, toàn bộ phần ốp nhựa màu đen bị xô lệch từ trước về sau, phần vỡ nhựa rời khỏi xe có diện (6x3,5)cm. Đo từ mặt đất đến điểm trượt sát vỡ nhựa có số đo lần lượt là 52cm và 64cm. Tại vị trí mặt ngoài ốp nhựa giảm xóc trước bên trái có dấu vết trượt sát mài mòn nhựa diện (20x5)cm, trên bề mặt có bám dính chất màu đen, chiều hướng trượt sát từ sau về trước, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 50cm và 68cm. Tại vị trí mặt ngoài của giảm xóc trước có dấu vết trượt sát kim loại sạch bụi diện (5x3)cm, trên bề mặt có bám dính chất màu đen và nâu, chiều hướng từ sau về trước, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất

có số đo lần lượt là 41cm và 47cm. Tại vị trí mặt ngoài bên trái chắn bùn bánh trước phía sau có dấu vết trượt sát nhựa diện (30x7)cm, chiều hướng trượt sát từ sau về trước, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 30cm và 55cm. Phần đuôi xe và phần sườn xe bên phải: Bằng mắt thường không phát hiện dấu vết liên quan. Phần sườn xe bên trái: Tại vị trí đầu bàn đạp số phía trước có dấu vết trượt sát kim loại diện (2x01)cm, chiều hướng trượt sát từ trước về sau, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 24cm và 23,9cm. Tại vị trí đầu bàn đạp chân chính có dấu vết trượt sát kim loại diện (1x1)cm, chiều hướng trượt sát từ trước về sau. Toàn bộ bàn đạp chân chính bị xô lệch từ trước về sau, áp sát vào cần đạp số phía sau. Kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống phanh trước bị hư hỏng không hoạt động được; một phần dây đo đồng hồ công tơ mét bị hư hỏng.

Khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS: 29F1-241.54 (xe do T điều khiển): Xe không có gương chiếu hậu trái, phải. Phần đầu tay lái bên trái có dấu vết trượt sát lõm kim loại diện (2,5x1)cm, chiều hướng từ trước về sau, từ phải sang trái, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 101cm và 103cm. Ốp nhựa màu vàng xi nhan bên phải có dấu vết vỡ nhựa diện (5,5x3)cm. Tại vị trí chắn bùn trước phía trước có dấu vết trượt sát rách nứt nhựa diện (24x5)cm, trên bề mặt có bám dính chất màu đen, hồng, nâu, chiều hướng từ trước về sau, từ phải sang trái, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 58cm và 67cm. Tại vị trí mặt ngoài giảm xóc trước bên trái có dấu vết trượt sát kim loại diện (17x1,5)cm, chiều hướng từ trước về sau, trên bề mặt có bám dính chất màu nâu, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 30cm và 45cm. Phần đuôi xe: Bằng mắt thường không phát hiện dấu vết liên quan. Phần sườn xe bên phải: Tại vị trí mặt trên phía ngoài của cánh yếm trước gắn với mặt nạ đầu xe có dấu vết vỡ nhựa diện (5x2)cm, phần vỡ nhựa rời khỏi xe, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 81cm và 85,5cm. Phần sườn xe bên trái: Tại vị trí mặt ngoài cánh yếm ngoài bên trái có dấu vết trượt sát nhựa diện (12x2)cm, trên bề mặt trượt sát có bám dính chất màu nâu, chiều hướng từ trước về sau, trên bề mặt có bám dính chất màu nâu, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 52cm và 62cm. Tại vị trí đầu bàn đạp chân chính có dấu vết rách cao su diện (2x1,5)cm, đo từ mặt đất đến điểm trượt sát thấp nhất và cao nhất có số đo lần lượt là 34cm và 35,5cm. Toàn bộ bàn đạp chân phụ phía sau rời khỏi xe. Phần bánh lốp: Bánh lốp trước, mặt ngoài má lốp bên trái có dấu vết trượt sát cao su sạch bụi diện (50x3)cm, chiều hướng ngược chiều tiến của bánh xe, trên bề mặt trượt sát có bám dính chất màu nâu; điểm trượt sát kéo dài từ chạn nan hoa số 16 đến chân nan hoa số 27, tính từ chân van ngược chiều tiến của bánh xe. Tại vị trí mặt ngoài má vành kim loại có dấu vết trượt sát kim

loại sạch bụi diện (20x0,2)cm, có chiều hướng ngược chiều tiến của bánh xe; điểm trượt sát tính từ chân nan hoa số 18 kéo dài đến chân nan hoa số 24, tính từ chân van ngược chiều tiến của bánh xe. Kỹ thuật của phương tiện: Xe hoạt động bình thường.

Tại Bản kết luận giám định số 9205/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của V1 - Bộ C2 kết luận:

- *Dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 29F1-241.54 với xe mô tô biển số 29V7-086.85: Dấu vết trượt mất cao su màu đen ở má bên trái lốp bánh trước và trượt xước, dính chất màu tím (dạng sơn) ở cạnh bên trái vành bánh này của xe mô tô biển số 29F1-241.54 có chiều từ mặt lặn vào vành, từ vành vào tâm trục bánh xe (ảnh 5, 7 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết trượt xước, dính chất màu đen (dạng cao su), mất sơn màu tím ở mặt ngoài càng giảm xóc trước bên trái và ở mặt ngoài ốp nhựa càng giảm xóc này của xe mô tô biển số 29V7-086.85. Dấu vết va chạm tại vị trí này ở xe mô tô biển số 29V7-086.85 có chiều hướng từ trước về sau, từ bên trái sang bên phải xe (ảnh 6, 8 trong bản ảnh giám định). Dấu vết trượt xước, dính chất màu đen (dạng sơn) ở mặt trên bên trái cung trước chắn bùn bánh trước xe mô tô biển số 29F1-241.54 có chiều hướng từ trước về sau (ảnh 5, 9 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết biến dạng, trượt xước, mất sơn màu đen ở mặt ngoài bên trái giỏ xe mô tô biển số 29V7-086.85. Dấu vết va chạm tại vị trí này ở xe mô tô biển số 29V7-086.85 có chiều hướng từ trước về sau, từ bên trái sang bên phải xe (ảnh 6, 10 trong bản ảnh giám định).*

- *Cơ chế hình thành dấu vết va chạm ở xe mô tô biển số 29F1-241.54 và ở xe mô tô biển số 29V7-086.85: Dấu vết trượt xước, dính chất màu trắng (dạng bột đá) ở mặt ngoài đầu tay lái bên trái xe mô tô biển số 29F1-241.54 có chiều từ trước về sau. Dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường (ảnh 5, 11 trong bản ảnh giám định). Dấu vết trượt xước, dính chất màu trắng (dạng bột đá) ở mặt ngoài đầu bàn đạp chân trước bên trái xe mô tô biển số 29V7-086.85 có chiều từ trước về sau. Dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường (ảnh 6, 12 trong bản ảnh giám định).*

- *Không tính được tốc độ của xe mô tô biển số 29F1-241.54 và của xe mô tô biển số 29V7-086.85 ngay trước khi xảy ra tai nạn .*

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho anh Nguyễn Văn H2 (Sinh năm 1982, con trai ông H3), Nguyễn Đình T xem lại đoạn video clip ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông ngày 28/11/2023 tại km 15+540 đường D thuộc địa phận TDP N, TT Q, huyện Q, TP Hà Nội. Anh H2, T thấy ông Nguyễn Văn H3 điều khiển xe mô tô BKS: 29V7 - 086.85 đi từ hướng Đình làng TDP Ngô Sài đi lên đường 419, khi gần đến giữa lòng đường ở tại phần đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q đi đường gom phía Nam Đại lộ T thì ông H3

điều khiển xe mô tô đi chậm lại và đánh lái xe mô tô về hướng Ngã tư đèn tín hiệu thì xảy ra va chạm giao thông với xe mô tô BKS: 29F1-241.54 do T điều khiển đi bên phải theo hướng Ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q đi đường gom phía Nam Đại lộ T (tại thời điểm xảy ra tại nạn giao thông hình trong videos clip ghi nhận có 05 xe ô tô con 04 chỗ và 01 xe ô tô loại chở khách dừng đỗ lề đường, phần đường bên phải hướng ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q đi đường gom phía Nam Đại lộ T; 02 xe ô tô dừng đỗ ở phần đường bên phải hướng từ Đình làng TDP Ngô Sài ra đường 419 và 01 xe ô tô dừng đỗ ở lề đường bên trái hướng từ Đình làng TDP Ngô Sài ra đường 419 sát với lối mở từ đường 419 đi Đình làng TDP Ngô Sài; Tại lề đường bên phải hướng Đình làng TDP N ra đường 419 cách lối mở đi hướng đường gom phía Nam Đại lộ T 1800cm có 01 biển báo giao nhau với đường ưu tiên; Tại góc lối mở hướng Đình làng TDP Ngô Sài ra đường 419 đi ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q có 01 cây đa to). Sau đó ông H3 và xe mô tô BKS: 29V7 - 086.85 bị ngã, đổ nghiêng tại phần đường bên phải hướng Ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q đi đường gom phía Nam Đại lộ T, còn T và xe mô tô BKS: 29F1-241.54 bị ngã, đổ nghiêng xe sang phần đường bên trái hướng Ngã tư đèn tín hiệu thị trấn Q đi đường gom phía Nam Đại lộ T.

Ngày 06/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q – TP . đã ra yêu cầu định giá tài sản số 67, yêu cầu hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q định giá tài sản đối với phần hư hỏng của xe mô tô BKS: 29V7-08685 và xe mô tô BKS: 29F1-24154, nhưng phía đại diện hai bên đã có đơn từ chối định giá phần thiệt hại đối với xe mô tô của mình do 02 chiếc xe trên chỉ bị hư hỏng nhẹ.

Ngày 06/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra quyết định trưng cầu giám định số 321 trưng cầu V1 - Bộ C2 giám định tỉ lệ thương tích đối với anh Nguyễn Đình T, tuy nhiên anh T từ chối đi giám định thương tích. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra quyết định dẫn giải anh T đi giám định thương tích, nhưng anh T cương quyết từ chối đi giám định thương tích và có đơn từ chối giám định thương tích gửi đến Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định.

Vật chứng: Quá trình điều tra xác định, chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 29V7-086.85 do ông H3 điều khiển là anh Nguyễn Văn H2. Chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 29F1-241.54, do bị cáo T điều khiển là anh Nguyễn Đình T1.

Về dân sự: Sau khi biết ông H3 chết, T cùng gia đình đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho đại diện gia đình người bị hại là anh Nguyễn Văn H2, anh H2 đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HSST ngày 17/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

- Áp dụng điểm a khoản 2 điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54 và điều 38 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Không nhất trí với quyết định của án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo đề ngày 23/9/2024, bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, mức hình phạt tù là tương xứng nhưng xét thấy có thể cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HSST ngày 17/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội theo hướng sửa giữ nguyên mức án tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/11/2023, Nguyễn Đình T không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS 29F1-241.54 di chuyển đến đoạn đường km15+540 đường D thuộc địa phận Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội theo hướng đi đường gom phía Nam Đại lộ T. Mặc dù bị che khuất tầm nhìn do có xe ô tô đỗ trên đường nhưng T không giảm tốc độ, không chú ý quan sát mà điều khiển xe mô tô vượt qua 4 ô tô con, khi đi đến gần đầu xe ô tô khách đỗ gần lối mở vào nhà văn hóa Tổ dân phố T4 thì đâm vào xe mô tô Honda Dream BKS: 29V7 - 086.85 do ông Nguyễn Văn H3 điều khiển xe đi chậm từ đường không ưu tiên hướng Nhà văn hoá ra đường tỉnh lộ 419 thì va chạm. Hậu quả ông H3 bị thương được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đến khoảng 09 giờ ngày 29/11/2023 ông H3 tử vong tại gia đình.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe mô tô có đường cắt ngang, tầm nhìn bị che khuất, hạn chế do ô tô đỗ bên lề đường nhưng không giảm tốc độ, không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn khi thấy ông H3 điều khiển xe ra đến giữa đường 419 chuẩn bị rẽ trái sang phần đường dành cho xe đi người chiều với xe T, bị cáo T đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật giao thông đường bộ “*Người tham gia giao thông phải có ý thức chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và người khác*”; vi phạm khoản 9, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ về các hành vi bị nghiêm cấm: “*Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định*”; “*hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hại cho người khác và phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” và khoản

1, 2 điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép trong trường hợp có chướng ngại vật trên đường”; “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép trong trường hợp tầm nhìn bị hạn chế”; Hậu quả làm chết 01 người.

Do đó, bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết tăng nặng định khung: “Không có giấy phép lái xe theo quy định” tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho hành vi phạm tội của bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Phạm tội do lỗi vô ý. Sau khi phạm tội đã cùng gia đình tích cực khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại. Người bị hại cũng có lỗi một phần khi tham gia giao thông đường bộ, không có Giấy phép lái xe theo quy định nên đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 24 Luật giao thông đường bộ, có quy định: “Nhường đường tại nơi đường giao nhau”. Tại Khoản 3 có quy định: “3. Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới”. Đại diện cho gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án của khung hình phạt liền kề. Xét thấy mức hình phạt tù tòa án cấp sơ thẩm đưa ra là có căn cứ, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về án phí: Do bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần của bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HSST ngày 17/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1.1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

1.2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt: điểm a khoản 2 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136- Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND h. Quốc Oai, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

